

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-PT.
Ngày: 19-5-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Diệp**;
Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2020/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 19 X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Võ Văn A**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 19 X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 255 T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh T trình bày: Vào ngày 12/10/2011, bà Bùi Thị N có viết giấy mượn của bà Trần Thị Thanh T số tiền 15.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/01/2012 sẽ hoàn trả lại. Nhưng đến nay, bà Bùi Thị N vẫn chưa trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền trên. Nay, bà Trần Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị N phải trả số tiền nợ vay 15.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì thêm.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Bùi Thị N trình bày: Bà Bùi Thị N có viết giấy mượn tiền của bà Trần Thị Thanh T số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/10/2011, nhưng thực chất là đưa cho người khác vay để bà T lấy tiền lãi. Đến tháng 11/2011, bà N bị bà Nguyễn Thị M chạy nợ số tiền lớn, nên chưa có tiền trả cho bà T. Khi bà N đi vào Thành phố Hồ Chí Minh để nuôi con bị ốm, bà N có nói với chồng bà là ông Huỳnh T nếu có tiền thì đem trả bớt cho mỗi người một ít. Sau đó, ông Huỳnh T có đem trả ông Võ Văn A (là chồng bà Trần Thị Thanh T) số tiền 17.000.000 đồng, trừ qua số tiền 15.000.000 đồng bà N nợ bà T, còn thừa 2.000.000 đồng trừ qua số tiền bà N nợ ông A 10.000.000 đồng, nên bà N không còn nợ tiền bà T. Do đó, bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh T trình bày: Ông không biết việc vợ chồng ông Võ Văn A, bà Trần Thị Thanh T đem tiền đến gửi cho vợ ông là bà Bùi Thị N để cho vay giúp lấy lãi. Sau vụ việc bà Nguyễn Thị M chạy nợ, bà N bị mất số tiền quá lớn, nên bị suy sụp. Khi bà Bùi Thị N vào Thành phố Hồ Chí Minh nuôi con bị ốm thì có viết giấy để lại nói với ông nếu có mượn được tiền thì trả cho mỗi người một ít để khắc phục, mong họ thông cảm. Sau khi mượn được tiền, ông có đến nhà trả cho vợ chồng ông A, bà T số tiền 17.000.000 đồng, nhưng ông không nói ông A, bà T viết giấy nhận tiền vì nghĩ là chỗ anh em.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn A trình bày: Ông không có nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Huỳnh T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* với bị đơn bà Bùi Thị N.

Buộc bà Bùi Thị N phải trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền nợ 15.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 12/10/2011.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N thì thấy:

[2.1] Bà Trần Thị Thanh T cho rằng, vào ngày 12/10/2011, bà Bùi Thị N có viết giấy mượn của bà số tiền 15.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/01/2012 sẽ hoàn trả lại nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả. Mặc dù, bà T không cung cấp được bản gốc “Giấy mượn tiền” ngày 12/10/2011 nhưng được bà N thừa nhận vào ngày 12/10/2011 bà T có đưa cho bà số tiền 15.000.000 đồng với mục đích cho người khác vay để lấy lãi giúp bà T và bà có viết “Giấy mượn tiền” giao cho bà T giữ (*nội dung đúng như bản sao mà bà T đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm*). Như vậy, cả bà T và bà N đều thừa nhận bà T có giao cho bà N số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/10/2011 theo như “Giấy mượn tiền” do bà T cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào ngày 12/10/2011, bà Bùi

Thị N có viết “Giấy mượn tiền” và nhận của bà Trần Thị Thanh T số tiền 15.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/01/2012 sẽ hoàn trả lại.

[2.2] Bà Bùi Thị N khai rằng, bà Trần Thị Thanh T có đưa cho bà số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/10/2011 để bà cho người khác vay lấy lãi, nhưng sau đó bị bà Nguyễn Thị M chạy nợ. Khi bà đi vào Thành phố Hồ Chí Minh để chăm sóc con bị bệnh thì ông Huỳnh T có trả cho vợ chồng ông Võ Văn A, bà Trần Thị Thanh T được số tiền 17.000.000 đồng (*trong đó, có số tiền 15.000.000 đồng mà bà còn nợ bà T*) nên hiện nay bà không còn nợ tiền của bà T. Tuy nhiên, những lời khai trên của bà N không được bà T, ông A thừa nhận và bà N cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Hơn nữa, tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đối với bà N (*trong hồ sơ giải quyết đơn tố cáo của bà Trần Thị Thanh T về việc bà Bùi Thị N lừa đảo chiếm đoạt tài sản*), bà N cũng không đề cập gì đến việc chồng của bà là ông Huỳnh T có trả cho ông A, bà T số tiền 17.000.000 đồng như bà đã khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm. Do đó, bà N cho rằng bà đã trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Do bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 12/10/2011 nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T, buộc bà Bùi Thị N phải trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 15.000.000 đồng là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị N cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 92, 147 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T đối với bị đơn bà Bùi Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Bùi Thị N trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 12/10/2011.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 750.000 (*Bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001187 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000013 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*19/5/2020*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo